

Bản án số: **207/2020/HS-ST**
Ngày 17-9-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đặng Song Hoàn

Ông Vũ Xuân Miện

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nguyên – Thư ký của Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 184/2020/HSST ngày 27 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2020/QĐXXST- HS ngày 07 tháng 9 năm 2020, đối với các bị cáo:

1. Đỗ Hữu N, sinh năm 1982 tại H Phòng; Hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Hữu H (đã chết) và bà Nguyễn Thị N (sinh năm 1959); Tiền sự: Không;

Tiền án:

1. Ngày 25-12-2012, Tòa án nhân dân huyện T (nay là thị xã P), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xử phạt 03 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 136/2012/HSST.

2. Ngày 17-5-2016, Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H Phòng xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo Bản án Hình sự sơ thẩm số 80/2016/HSST. Bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 15-3-2019.

Bị bắt ngày 29-4-2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ngô Văn Ng, sinh năm 1989 tại Thái Nguyên; Hộ khẩu thường trú: xóm H, xã P, thị xã P, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở trước khi bị bắt: Đường V, phường TN, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Văn T (sinh năm 1952) và bà Ngô Thị L (sinh năm 1957); Vợ là Nguyễn Thị N, sinh năm 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị bắt ngày 29-4-2020. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố V.

(Bị cáo N, bị cáo Ng có mặt).

Bị hại:

1. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đường BG, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. Anh Đỗ Văn H, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Đường N, phường TN, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3. Anh Bùi Văn T, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Đường P, Phường H, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Võ Thanh H, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Đường N, Phường M, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

2. Anh Phùng Văn H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Đường N, phường TN, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (vắng mặt)

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Đường B, phường R, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đỗ Hữu Nh và Ngô Văn N là hai đối tượng nghiện ma túy nhưng không có việc làm. Để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng, Nh và N đã rủ nhau đi vòng quanh các tuyến đường trên địa bàn thành phố V để lấy trộm tài sản của người dân. Trong 02 ngày 24 và 27-4-2020, Nh và N đã thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố V. Cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24-4-2020, Đỗ Hữu Nh điều khiển xe máy hiệu Novo, biển số 72K5-3070 chở Ngô Văn N đi tìm tài sản để lấy trộm. Khi đi ngang qua nhà của anh Nguyễn Văn T, ở địa chỉ: 842/18/18B Bình Giã, Phường M, thành phố V, Nh thấy cổng không đóng và có 01 chiếc máy bơm hiệu Haloshi để trong sân nên nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc máy bơm trên. Nh dừng xe lại và nói N đứng bên ngoài cảnh giới còn Nh đi vào bên trong sân để lấy máy bơm. Sau khi Nh lấy được máy bơm, cả hai mang đến địa chỉ đường L, phường TN, thành phố V bán cho ông Võ Thanh H được 200.000 đồng.

Vụ thứ hai: Sau khi thực hiện xong vụ thứ nhất, hai đối tượng chở nhau đi trên đường N, phường TN. Khi đi ngang qua nhà của ông Đỗ Văn H ở địa chỉ: Đường N, Nh và N nhìn thấy cổng và cửa nhà đều khóa nên dừng xe lại. Nh bước

xuống xe đi đến gọi cổng nhưng không thấy ai trả lời. Nh đoán nhà không có người nên nói N đứng canh giới để Nh trèo qua cổng nhà và đi vào bên trong nhà. Nh đi đến chiếc kệ để lấy 09 loại máy hàn và máy khoan bao gồm: 03 chiếc máy mài hiệu Makita, 02 chiếc máy mài hiệu Bosch, 01 chiếc máy khoan bê tông hiệu Bosch, 01 chiếc máy khoan hiệu Crown, 01 chiếc máy khoan hiệu Keyang, 01 chiếc máy khoan nhỏ rồi chuyển ra cho N đang đứng chờ sẵn bên ngoài. Sau đó, cả hai mang đến địa chỉ đường L, phường TN bán cho anh Võ Thanh H được 2.350.000 đồng. Số tiền có được, Nh giữ lại và tiêu xài một mình.

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 27-4-2020, Đỗ Hữu Nh chở Ngô Văn N đi trên đường P, Phường H, thành phố V. Khi đi ngang qua nhà của anh Bùi Văn T, ở địa chỉ: Đường P, Phường H, thành phố V, Nh thấy chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7 của anh T để trong hộp xe máy đang dựng trước cửa nhà. Nh nói N canh giới và nhanh chóng đi đến chỗ để xe máy lấy chiếc điện thoại di động nói trên. Sau đó, cả hai mang chiếc điện thoại trên đến cửa hàng điện thoại di động H tại Kiot ở địa chỉ: đường N, phường TN, thành phố V bán cho anh Phùng Văn H được 1.600.000 đồng. Số tiền có được, Nh và N dùng để mua ma túy sử dụng chung.

Tại Kết luận định giá T sản số 89/KL-HĐĐG-TTHS ngày 19-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố V kết luận:

+ Giá trị 01 (Một) chiếc điện thoại di động Samsung J7, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tại Kết luận định giá tài sản số 90/KL-HĐĐG-TTHS ngày 19-6-2020 của Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự thành phố V kết luận:

+ Giá trị 01 (Một) chiếc máy bơm hiệu Haloshi, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

+ Giá trị 03 (Ba) máy mài hiệu Makita, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 2.000.000đ (Hai triệu đồng).

+ Giá trị 01 (Một) máy mài hiệu Bosch, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 400.000đ (Bốn trăm ngàn đồng).

+ Giá trị 01 (Một) máy khoan bê tông hiệu Bosch, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng).

+ Giá trị 01 (Một) máy khoan hiệu Crown, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 100.000đ (Một trăm ngàn đồng).

+ Giá trị 01 (Một) máy khoan hiệu Keyang, tại thời điểm bị chiếm đoạt là 100.000đ (Một trăm ngàn đồng).

Hội đồng định giá từ chối định giá tài sản đối với 01 (Một) máy mài hiệu Bosch và 01 (một) máy khoan nhỏ do không thu hồi được.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố V thu giữ tài liệu, đồ vật và xử lý vật chứng, cụ thể như sau:

+ Thu giữ 01 chiếc máy bơm nước hiệu Haloshi, 03 máy mài hiệu Makita, 01 máy mài hiệu Bosch, 01 máy KH bê tông hiệu Bosch, 01 máy KH hiệu Crown, 01 máy khoan hiệu Keyang, 01 chiếc điện thoại di động hiệu Samsung J7. Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố V đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 65/QĐ-Đ1 ngày 28-5-2020, theo đó: trả lại cho bị hại Nguyễn Văn T 01 máy bơm nước hiệu Haloshi; trả lại cho bị hại Đỗ Văn H 03 máy mài hiệu Makita, 01 máy mài hiệu Bosch, 01 máy khoan bê tông hiệu Bosch, 01 máy khoan hiệu Crown, 01 máy khoan hiệu Keyang.

+ Thu giữ 01 (Một) xe máy nhãn hiệu Novo biển số 72K5-3070. Qua xác minh xe này là của bà Nguyễn Thị N (mẹ bị cáo Nh), bà N không biết việc Nh sử dụng xe đi trộm cắp T sản nên cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố V đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại xe này cho bà N.

+ Thu giữ của Đỗ Hữu Nh số tiền 310.000đ (Ba trăm mười ngàn đồng). Hiện đã được chuyển đến cơ quan Thi hành án Dân sự thành phố V chờ xử lý theo quy định Pháp luật.

Trách nhiệm Dân sự:

+ Anh Nguyễn Văn T sau khi nhận lại tài sản là chiếc máy bơm hiệu Haloshi không yêu cầu gì thêm.

+ Anh Đỗ Văn H sau khi nhận lại 07 chiếc máy mài, máy khoan các loại và 1.000.000 đồng bà N khắc phục hậu quả do có 01 máy mài hiệu Bosch và 01 máy khoan nhỏ không thu hồi được, anh H không yêu cầu gì thêm.

+ Anh Bùi Văn T sau khi nhận lại chiếc điện thoại di động Samsung J7 không có yêu cầu gì thêm.

+ Ông Võ Thanh H, anh Phùng Văn H sau khi giao nộp tài sản mua của Nh và N, không có yêu cầu gì.

+ Bà Nguyễn Thị N không yêu cầu các bị cáo trả số tiền mà mình đã bỏ ra để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ, liên quan.

Các bị hại Nguyễn Văn T, Đỗ Văn H và Bùi Văn T có đơn đề nghị Tòa án xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nh và N.

Tại Cáo trạng số 192/CT-VKS ngày 23-7-2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V truy tố Đỗ Hữu Nh về tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại điểm Khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự; truy tố Ngô Văn N về tội “Trộm cắp T sản” theo quy định tại điểm Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng Khoản 2 Điều 173; điểm b, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đỗ Hữu Nh từ 24 (Hai

mười tư) tháng đến 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 4 năm 2020.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173; điểm i, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; điểm g Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Ngô Văn N từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù về tội “Trộm cắp T sản”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 4 năm 2020.

Xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Đỗ Hữu Nh số tiền 310.000đ (Ba trăm mười ngàn đồng) do là tiền của bị cáo và không liên quan đến hành vi phạm tội.

Bị cáo Nh và bị cáo N thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên. Lời nói sau cùng, các bị cáo hối hận về hành vi phạm tội, xin lỗi các bị hại và xin giảm nhẹ một phần hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các chứng cứ, T liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong vụ án này đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng:

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận:

Trong hai ngày 14 và 27-4-2020, lợi dụng sự sơ hở của các bị hại, bị cáo Nh và bị cáo N đã có hành vi lén lút để thực hiện ba vụ chiếm đoạt tài sản của cá bị hại. Cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 24-4-2020, tại nhà của anh Nguyễn Văn T, địa chỉ: Đường BG, Phường M, thành phố V, hai bị cáo chiếm đoạt của anh T một chiếc máy bơm hiệu Haloshi trị giá 500.000đ (Năm trăm ngàn đồng).

Vụ thứ hai: Sau khi thực hiện xong vụ thứ nhất, tại nhà của anh Nguyễn Văn H ở địa chỉ số Đường N, phường TN, thành phố V hai bị cáo chiếm đoạt của anh H năm chiếc máy mài và bốn chiếc máy khoan có tổng giá trị là 3.400.000đ (Ba triệu bốn trăm ngàn đồng).

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ 15 phút ngày 27-4-2020 tại địa chỉ nhà số Đường P, Phường H, thành phố V hai bị cáo đã chiếm đoạt của anh Bùi Văn T một chiếc Điện thoại di động hiệu Samsung J7 có giá trị 2.250.000đ (Hai triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng giá trị tài sản hai bị cáo chiếm đoạt là 6.150.000đ (Sáu triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Vì vậy, Hội đồng xét xử đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nh đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” với tình tiết định khung “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại Khoản 2, Điều 173; hành vi của bị cáo N đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định Khoản 1, Điều 173 Bộ luật Hình sự đúng như quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố V.

[3] Tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản công dân, gây mất trật tự an ninh xã hội tại địa phương, gây tâm lý bức xúc cho nhân dân trong cộng đồng dân cư. Các bị cáo là người đã trưởng thành nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhằm giáo dục cải tạo riêng đối với các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Đây là vụ án có tính chất đồng phạm nhưng là giản đơn do không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, phân công vai trò cụ thể khi thực hiện hành vi phạm tội. Trong vụ án này bị cáo Nh tham gia với vai trò là người thực hành.

[5] Tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[5.1] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hai bị cáo đã 02 lần phạm tội trộm cắp tài sản nên áp dụng tình tiết tăng nặng “*Phạm tội hai lần trở lên*” theo quy định tại điểm g, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với hai bị cáo.

[5.2] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; các bị hại đã bãi nại cho hai bị cáo; bị cáo N phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng ; bị cáo Nh đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; bị cáo Nh mắc bệnh hiểm nghèo (HIV). Nên áp dụng điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nhân; áp dụng điểm i, s, Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo N để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Các Bị hại và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 310.000đ (Ba trăm mười ngàn đồng) thu giữ của bị cáo Nh. Đây là tiền của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo Nh.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2, Điều 173; điểm b, s Khoản 1; Khoản 2, Điều 51; điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Hữu Nhân** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Đỗ Hữu Nh 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 4 năm 2020.

2. Căn cứ: Khoản 1, Điều 173; điểm i, s, Khoản 1; Khoản 2 Điều 51; điểm g, Khoản 1, Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự;

Tuyên bố: bị cáo **Ngô Văn N** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Ngô Văn N 09 (Chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29 tháng 4 năm 2020.

3. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

Trả lại cho bị cáo Đỗ Hữu Nh 310.000đ (*Ba trăm mười ngàn đồng*) theo Biên lai thu tiền số 0001955 ngày 24-7-2020 của chi cục Thi hành án Dân sự thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016;

Bị cáo Nh và bị cáo N, mỗi bị cáo pH nộp 200.000đ (*Hai trăm ngàn đồng*).

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (đối với người có mặt tại phiên tòa); tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai (đối với người vắng mặt tại phiên tòa), để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Công an tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (PV27);
- Sở Tư pháp tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKSND thành phố V;
- Công an thành phố V;
- Thi hành án dân sự thành phố V;
- Nhà tạm giữ Công an thành phố V;
- Những người tham gia tố tụng; Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh

